

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/DS-ST
Ngày: 29-01-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Tạo.
2. Ông Phạm Minh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-DS ngày 12/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Bảo L, sinh năm 2000; hộ khẩu thường trú: Số B T, khu phố I, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1983, bà Trần Phạm Hải Đ, sinh năm 2000 là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 09/6/2025).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 2000; hộ khẩu thường trú: Số B đường C, tổ A, khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là số B đường C, ấp S, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện nguyên đơn bà Đ có mặt, bị đơn bà T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 21/5/2025, quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng tháng 6/2023 tôi và bà Nguyễn Ngọc T1 có ở ghép chung nhà với nhau. Trong quá trình ở ghép, chúng tôi có mối quan hệ khá thân thiết vì thường xuyên đi chơi chung. Đến tháng 9/2023 bà T1 có nói với tôi là nhà mẹ của bà – bà Nguyễn Thị Bích T2 (SĐT: 0366 513 584) có việc nên đã mượn tiền của tôi. Tôi từng xuống nhà bà T1 chơi vài lần và có gặp bà T2, thời điểm cho bà T1 mượn tiền mối quan hệ của chúng tôi rất tốt. Đó chính là lí do tôi cho bà T1 mượn 110.000.000 đồng không chút đắn đo và đề phòng (*việc vay mượn tiền chỉ là giao dịch thỏa thuận giữa hai bên, không có bất kì tài liệu chứng cứ nào chứng minh, thậm chí khi chuyển tiền cho bà T1 tôi cũng không ghi nội dung gì*). Chúng tôi có thỏa thuận với nhau thời gian trả nợ gốc là tháng 4/2024. Cuối năm 2023, tôi và bà T1 không còn ở ghép chung với nhau nữa, đây cũng là thời gian bà T1 có dấu hiệu không trả nợ cho tôi. Tôi đã nhiều lần liên hệ, nhắn tin đề nghị bà T1 thanh toán nợ nhưng bà luôn hứa hẹn. Khi đến hạn trả nợ bà T1 chưa có tiền trả và xin đóng lãi tiếp nhưng tôi không đồng ý. Đồng thời, tôi có đề nghị bà T1 nhanh chóng thu xếp tiền trả tiền cho tôi. Trong khoảng thời gian vay tiền của tôi, mỗi khi đến hạn trả tiền thì bà T1 luôn trả sai hạn, thích thì trả không thích thì hẹn. Số tiền tôi cho bà T1 mượn là tiền tôi đứng ra vay của người khác, trong đó có tiền vay ở ứng dụng cho vay nhanh trên điện thoại MC Credit (Công ty T3), lãi suất 3%/tháng. Tổng tiền lãi bà T1 trả được cho tôi là 27.000.000 đồng, bà T1 tự quy ước những lần bà đóng lãi cho tôi cộng dồn lại rồi trừ vào số tiền gốc đã mượn nhưng tôi không đồng ý. Tháng 2/2025, tôi có xuống nhà bà T2 để nói chuyện và yêu cầu được gặp bà T1 thì bà T2 có kêu bà T1 gọi điện lại cho tôi. Ngoài ra bà T2 cũng trấn an tôi bằng việc bà hứa sẽ đôn đốc, nhắc nhở bà T1 trả nợ. Đến 03 tháng sau, bà T1 vẫn không trả tiền cho tôi. Hiện nay, số điện thoại và các tài khoản mạng xã hội của bà T1 đều chặn tôi. Tôi lại liên hệ với bà T2 nhưng bà T2 trả lời rằng “*nợ ai nấy kiếm, tao không biết*”. Việc bà T1 không trả nợ cho tôi làm ảnh hưởng đến cuộc sống, tinh thần của tôi rất nhiều. Hàng tháng, tôi vẫn phải gom tiền của mình để trả lãi cho bà T1 vì tôi là người đứng ra vay dùm, nếu tôi không đóng lãi thì bên ứng dụng vay liên tục gọi điện hối thúc, quấy rầy tôi.

Vì vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích của tôi trong vụ việc trên, bằng đơn khởi kiện này tôi kính đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết những vấn đề cụ thể như sau: Buộc bà Nguyễn Ngọc T1 thanh toán số tiền nợ gốc cho tôi là 110.000.000 đồng. Yêu cầu bà Nguyễn Ngọc T1 thanh toán tiền lãi chậm trả là 10%/năm (1,2%/ tháng) trên tổng số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng được tạm tính từ ngày 01/05/2024 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Số tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 23/12/2025 (19 tháng 22 ngày) là 18.088.888 đồng. Vậy tổng số tiền mà bà Nguyễn Ngọc T1 phải trả cho ông Ngô Bảo L tạm tính là 128.088.888 đồng.

* *Về phía bị đơn (bà T1):* Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng

tổng đạt, niềm yết đề bà T1 tham gia tố tụng nhưng bà T1 cố tình vắng mặt mà không có lý do nên không thu thập được ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 81.000.000 đồng và tiền lãi 14.130.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại ấp S, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Đương sự không yêu cầu nên theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn là đúng với quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Vào khoảng tháng 06/2023, bị đơn bà T1 có vay của nguyên đơn ông L với số tiền là 110.000.000 đồng. Các bên chuyển khoản cho nhau. Các bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn

thanh toán và nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi 3%/tháng đối với bị đơn là 20 tháng 28 ngày.

[3] Xem xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là “sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có của ngân hàng TMCP Q (MB)” đề ngày 01/6/2023 đến 30/12/2023 có xác nhận của ngân hàng TMCP Q; vi bằng thừa phát lại gia đình; tin nhắn zalo giữa nguyên đơn và bị đơn. Nội dung của chứng cứ này thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 110.000.000 đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn một khoản tiền chỉ còn thiếu lại nguyên đơn số tiền 81.000.000 đồng và nguyên đơn của thừa nhận bị đơn còn thiếu lại của nguyên số tiền 81.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/05/2024 đến ngày 29/01/2026 (20 tháng 28 ngày) là 14.130.000 đồng với lãi suất 10%/năm (0,83%/ tháng).

Quá trình thực hiện tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn bà T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không tham gia các buổi làm việc, buổi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải. Tòa án đã niêm yết chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là “sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có của ngân hàng TMCP Q (MB)” vi bằng thừa phát lại gia đình; tin nhắn zalo. Thể hiện số tiền nợ của bị đơn để bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Như vậy, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng dân sự vay tài sản, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị chứng minh. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu từ ngày 01/05/2024 đến ngày 29/01/2026 (20 tháng 28 ngày) lãi suất 10%/năm (0.83%/ tháng) nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh về phần thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn phải chịu án đối với số tiền không được chấp nhận là 32.958.888 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 71, 147, 227, 228, 229, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ Điều 5, 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn ông Ngô Bảo L đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc T1.

Buộc bà Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Bảo L số tiền 95.130.000 đồng (chín mươi lăm triệu một trăm ba mươi ngàn đồng) (trong đó tiền gốc 81.000.000 đồng, tiền lãi 14.130.000 đồng).

2. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Ngọc T1 phải chịu số tiền 4.756.500 đồng

3.2. Ông Ngô Bảo L phải chịu số tiền 1.648.000 đồng, sau khi khấu trừ 3.040.278 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004513 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án Dân sự Thành Phố Hồ Chí Minh, hoàn trả cho ông L số tiền 1.392.278 đồng.

4. Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THA DS khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Sơn